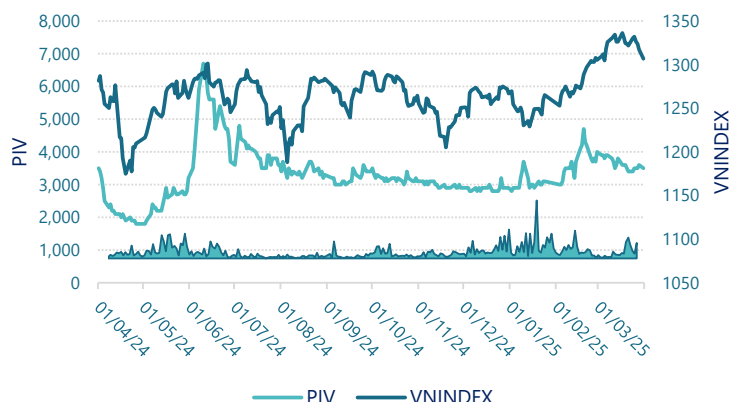


CTCP PIV (UPCOM: PIV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,800
SL cổ phiếu LH	17,324,942
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160,440
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	61
P/E	-64.9
EPS	-54

DT thuần

Q1/25

0.07

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.12 | -63.6%

YoY: ▼0.82 | -92.2%

LN sau thuế

Q1/25

-0.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.14 | 48.7%

YoY: ▲ 0.07 | 32.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-64.1%

+/- YoY: ▲ 22.7%

DT thuần

2024

1.58

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.83 | -75.4%

LN sau thuế

2024

-1.01

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.56 | 81.8%

ROE

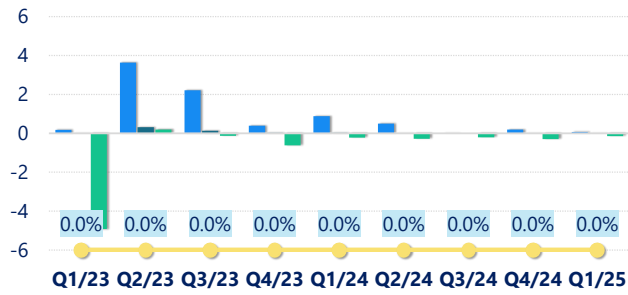
2024

-44.8%

+/- YoY: ▲ 55.5%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

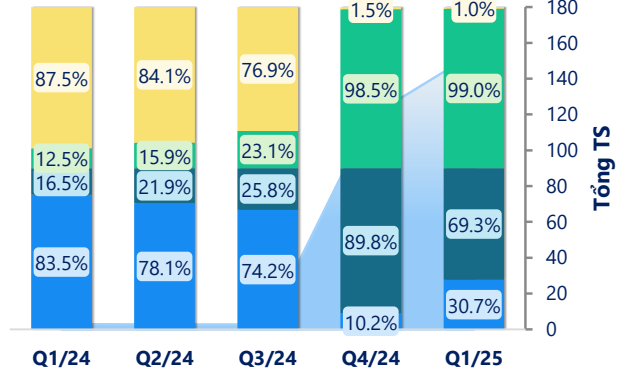


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

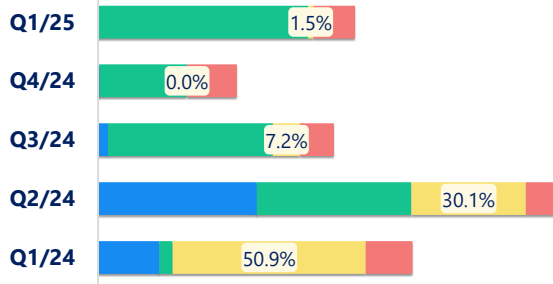
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

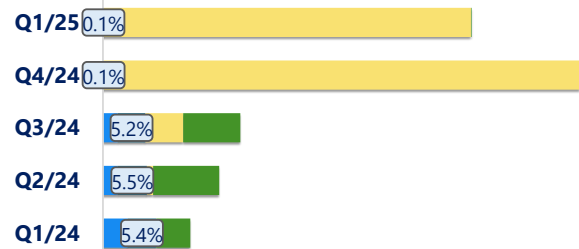
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Đầu tư TC ngắn hạn
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

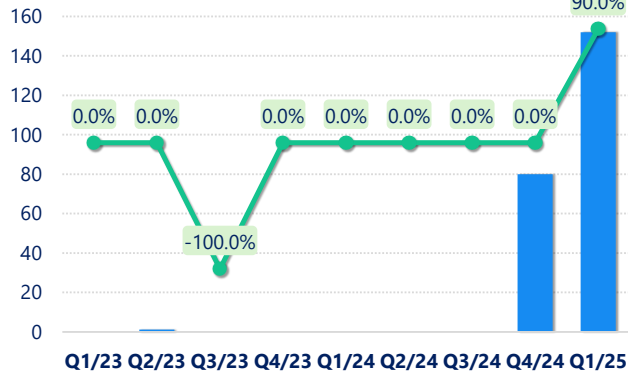


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

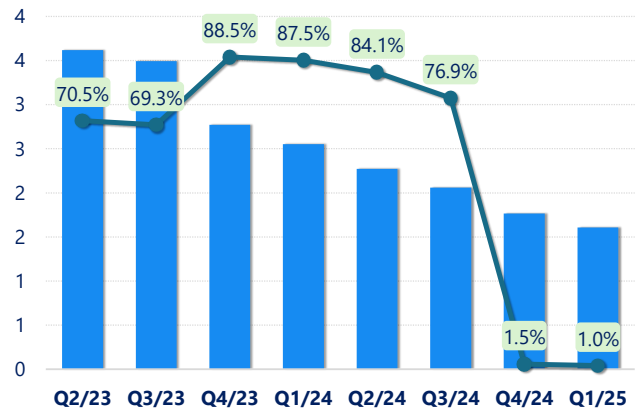


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

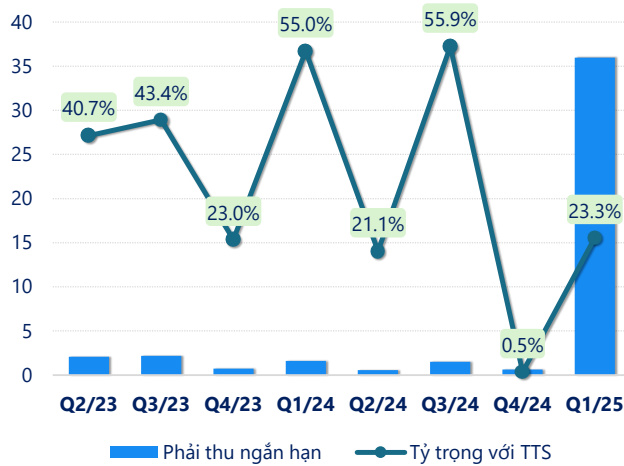
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

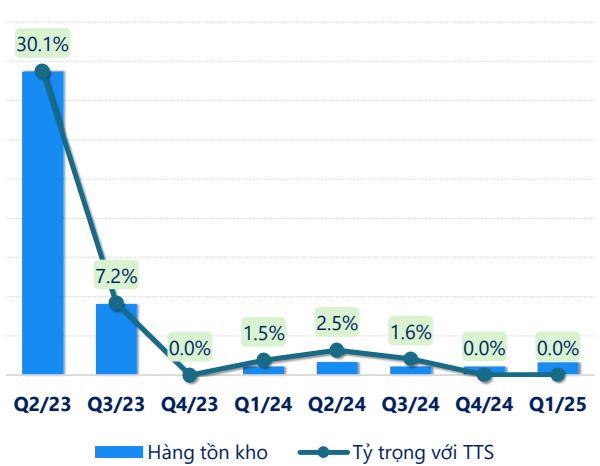
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


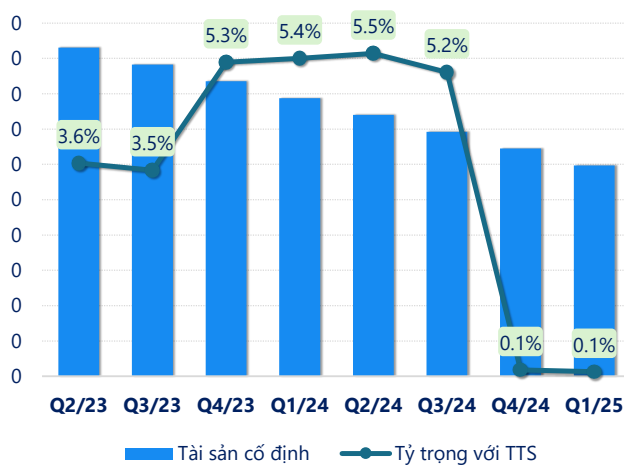
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


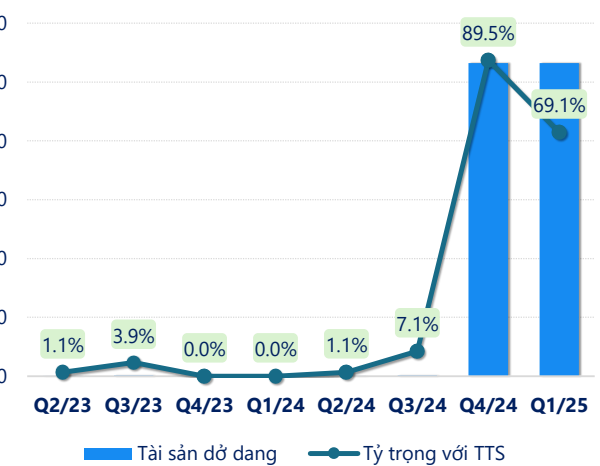
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

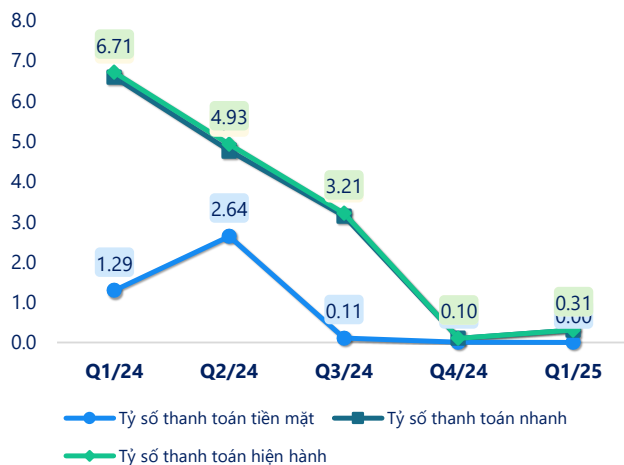
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

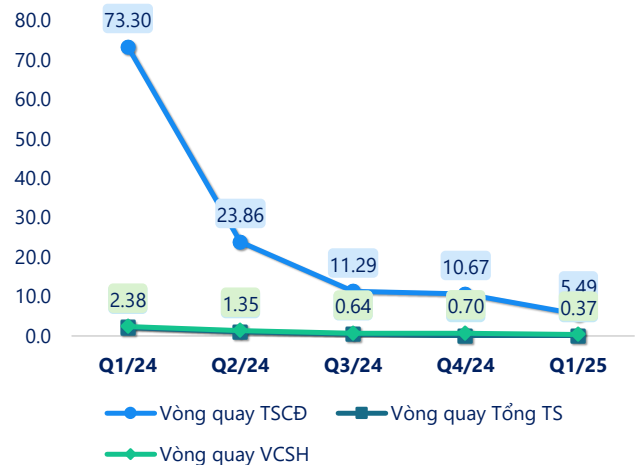
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	2.92	2.70	2.68	119	154
Tài sản ngắn hạn	2.44	2.11	1.99	12.1	47.3
Tiền và tương đương tiền	0.47	1.13	0.07	0.47	0.31
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1.60	0.57	1.50	0.63	36.0
Hàng tồn kho	0.04	0.07	0.04	0.04	0.07
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.34	0.38	10.9	10.9
Tài sản dài hạn	0.48	0.59	0.69	107	107
Phải thu dài hạn	0.14	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	0.16	0.15	0.14	0.13	0.12
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.03	0.19	106	106
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.19	0.34	0.29	0.24	0.19
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	0.36	0.43	0.62	117	152
Nợ ngắn hạn	0.36	0.43	0.62	117	152
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	80.0	152
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	0.13	0.09	36.7	0.12
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2.55	2.27	2.06	1.77	1.61
Vốn chủ sở hữu	2.55	2.27	2.06	1.77	1.61
Vốn điều lệ	173	173	173	173	173
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)